

THƠ CAO TÀN

Cao Tàn

Lời Giới Thiệu

Võ Phiến

Gần đúng hai mươi năm sau ngày chúng ta bỏ nước ra đi, tờ báo Bút Lửa số 1 tung ra hai bài thơ lạ lùng của một tên tuổi lạ hoắc: Cao Tàn.

Thơ Cao Tàn được tán thưởng ngay. Nó gây chấn động. Nó thành một biến cố trong sinh hoạt văn nghệ tha phương. Trong giới độc giả và giới cầm bút nổi lên một thắc mắc: “Thơ hay đấy, ‘tới’ lắm, Nhưng Cao Tàn là ai vậy?”

Cao Tàn hành tung bí mật như T.T.Kh, vì vậy người ta e rằng rồi cũng chỉ thoáng qua trên thi đàn trong chốc lát như T.T.Kh. Nhưng không, Từ số nọ sang số kia, Bút Lửa tiếp tục đăng thơ Cao Tàn gần một năm trời. Và thơ ấy càng ngày càng “tới”. Nó không phải là một phút ngẫu nhiên may mắn, mà dần dần chứng minh một tài năng có bản lĩnh vững vàng. Vào khoảng tháng 11-1977 nhà văn Mặc Đỗ, “riêng nhắc Cao Tàn: Cảm lắm”. Sau đó, nếu nhà văn còn theo dõi, còn đọc nữa, chắc chắn sẽ còn “cảm” hơn nữa.

Vi kỹ thuật làm báo, Bút Lửa đã dành cho Cao Tàn một sự xuất hiện đột ngột, cố ý gây một kinh ngạc. Thực ra sau này chúng ta lần lần nhận thấy sự ngạc nhiên của độc giả không hẳn chỉ là kết quả do kỹ thuật nghề nghiệp: Trong bản chất thơ Cao Tàn vẫn có cái gì đột ngột, luôn luôn khiến người đọc ngạc nhiên.

Cái ấy trước hết là đề tài. Nhiều bài thơ của Cao Tàn được kết cấu như truyện, những câu chuyện khá ly kỳ: hai người bạn tịnh khẩu uống tí ti giữa sa mạc; truyện chàng cù lằn có cái túi nhỏ; truyện dăm thằng khùng bàn chuyện vá trời; kẻ vượt suối trèo non về nước phất cờ khởi nghĩa như “*hùm thiêng cựa móng thét rung trời*” người leo lên tượng Thần Tự Do Mỹ quốc tự đốt mình làm lửa sáng để soi tìm đáy biển “*những oan ôn ai bỏ giữa bao la*” vv..

Cái đột ngột ấy lại ở những hình ảnh độc đáo, ý tưởng bất ngờ. Hoặc về những lá thư gởi từ Sài Gòn qua ngoại quốc, vừa phải ca ngợi cách mạng, vừa tiết lộ sự thực bi đát qua lời lẽ úp mở:

*“thư quê hương như tên hề óm nặng
hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười”*

kẻ tha hương bảo vợ thay vì viết lách quanh co, hãy gửi vài sợi tóc mẹ già, gửi viên sỏi nhỏ bên đường....

*“và gửi cho anh một tờ giấy trắng
thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa
để anh đọc mệnh mông đời lạnh vắng
em tiếc thương hoài âm áp gói chẵn xưa”*

Hoặc về tâm hình nhọt nhọt trên thẻ căn cước mà mỗi chúng ta còn mang theo:

*“Ôi trong ví mỗi người dân mất nước
còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ”*

Cái đột ngột còn ở những lời những chữ, những cách nói không thường thấy trong văn chương, càng không thường trong thi ca:

“Mây có linh thiêng qua đây tao cúng

Một châu phim X, một quả tẩm hơi”

“...Cũng ngắt ngư đời như con... củ khoai”

Chắc chắn sẽ có lời cật vấn “cái đột ngột thì dính dáng gì đến giá trị thi ca ?”

Quả vậy. Thật khó xác nhận rằng thơ hay là thơ kỳ lạ, mặc dù xưa nay không hiếm những trường hợp thi nhân đua nhau biểu diễn các trò quái đản, tự dung điên loạn, đòi uống ánh sáng, bay lên trăng, đớp các vì sao v.v...

Đột ngột kỳ lạ, có thể không phải là một giá trị. Nhưng ai biết được chính xác đâu là những yếu tố làm nên giá trị của thơ, gây nên xúc cảm thơ ? Chẳng qua thi ca là địa hạt của tình cảm, của tưởng tượng, và nhà thơ vẫn khoái chúng tỏ một sức tưởng tượng phóng khoáng phi phạm, ai nấy ra sức vượt thoát ra khỏi khuôn sáo tầm thường. Giữa những kẻ đớp sao uống trăng v.v... Cao Tần không chọn kiểu quái dị nhất. Vậy mà Cao Tần vẫn gây được cảm tưởng đột ngột độc đáo. Có phải chính vì thế mà cái kỳ lạ này đậm ra ít sáo hơn cả ?

Tứ thơ lạ, câu thơ đẹp – trong hoàn cảnh một cuộc sống thanh bình tại quê hương, đó hẳn là những mong ước của kẻ chọn nghiệp thi ca. Những cái ấy đều có ở Cao Tần. Nhưng trong cảnh ngộ lưu lạc hiện nay, liệu còn có ai cảm bút chỉ vì những lý do nghệ thuật như thế ? Và trong số độc giả liệu mấy ai còn tìm đọc thơ vì tứ lạ lời hay ?

Chắc chắn khi nhà văn Mặc Đỗ “cảm” Cao Tần, cái cảm ấy không vì một hình thức nghệ thuật độc đáo hay điêu luyện. Cái hấp dẫn của Cao Tần đó là một tâm sự vừa bi thống vừa phẫn uất, một phong thái ngang tàng tuyệt vọng. Người tị nạn nhìn vào thơ Cao Tần niềm đau đớn xót xa: niềm đau của mình; thấy nổi cay đắng, nổi cay đắng của mình, thấy chán nản mênh mông: của mình... Và trên chùng ấy nét tâm trạng của chính mình là một khí phách hào hùng, dù là cái hào hùng của người lâm vào mặt lộ.

Nghĩ đến cảnh sa cơ lỡ vận, người thơ cười: “*ông thượng đẳng cu li*” Nói đến một phi công thấy thế, lại cười: “*Đời khôn kiếp đã quăng ông xuống đất*”. Kể chuyện một người trân trọng giữ từng chút kỷ niệm của mẹ, của vợ, của bạn bè trong cái túi nhỏ kè kè mang theo mình, lại cười: đó là chàng cù lần ! Trong thơ Cao Tần thường ẩn hiện nụ cười, cười như người Việt nam vẫn cười trong tận cùng cay đắng. Đối với người ngoại quốc đang sống chung quanh ta không biết họ thấy thế nào; riêng đối với chúng ta tiếng cười ấy làm xao xuyên đến tận đáy tâm hồn, cách xa quê hương muôn vạn dặm, có thơ Cao Tần lúc đau đớn ta “đọc” đau đớn trong cách thể biểu hiện đặc biệt của dân tộc. Chẳng cũng khoái sao ?

Cao Tần cười cay đắng, nói huyênh hoang ngạo mạn, lắm khi đến tục tằn, như thế chỉ vì không muốn phơi bày chỗ thảm hại. Sự thực phía sau tiếng cười ấy, phía sau cái nghênh ngang ấy là một cảnh thảm hại: chỗ gặp gỡ chung của chúng ta. Gặp gỡ để thương nhau.

Con người cười cợt ngạo nghễ có thể là người “yếu” hơn bất cứ ai khác. Năm chàng tráng sĩ họp nhau bàn chuyện lớn suốt đêm, quất ngã la liệt nhiều chai rượu mạnh, để rồi mờ sáng hôm sau:

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi

những hào hùng uất hận gói lên nhau

kẻ thức tỉnh ngư ngơ nhìn nắng mới

“ta làm gì cho hết nửa đời sau ?”

Chàng cù lần bị giật cái túi nhỏ bí mật:

*“Cù lần dọa đêm nay đâm chết hết
Ôi ví dầu chú mở được tim anh
chú cũng thấy một kho tàng thẩm thiết
với khăn tay nhàu nát chữ thêu xanh...”*

Cái nghề ngang bên ngoài, chỉ đẹp vì “cái kho tàng thẩm thiết” bên trong.. Nếu không thế nó vô duyên biết mấy.

Kho tàng của Cao Tần chưa mở hết - thời gian xuất hiện trên thi đàn của Cao Tần còn quá ngắn với một đời văn thơ- tuy nhiên chúng ta đã bắt gặp bao nhiêu cái thẩm thiết: hoặc những nhớ nhung hướng về từng chiếc ghé công viên, từng cái tháp chuông nhà thờ, từng viên gạch vỡ ở góc vườn quê xưa, vì:

*“Dưới ghé công viên anh giấu thời thơ dại
trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin
trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc
nơi nụ cười em anh giấu trái tim”*

Hoặc những thắc mắc vẫn vơ: ở cái xứ sở muôn trùng xa cách, ở nơi thành phố mình đã rời bỏ đi không hẹn ngày về buổi sáng hôm nay những ai đang bước đi trên con đường quen thuộc trước nhà mình ? đêm nay ai ngồi trên ngai đồi thờ mùi gió thông mà mình nhớ quay quắt ? và:

*chú nào ngồi trước hiên nhà ta chiều nay
nghe mưa Sài Gòn rạt rào thơm mát
sau một ngày nắng lóa chín từng mây
những mái tôn mưa cười ran hạnh phúc*

Trong thơ Cao Tần có cái cao ngạo của tráng sĩ lẫn cái yếu đuối vô vàn của chàng Cù Lần. Và đó cũng là hai khía cạnh của mỗi một tâm hồn di tản tha hương. “cảm” nhau vì thế.

Ô, mỗi cảm thông thẩm thiết giữa những tráng sĩ...Cù Lần.

Trường hợp thơ Cao Tần gợi lên một vấn đề: khả năng sáng tác của người di tản lưu lạc. Đầu tháng tư năm ngoái, tạp chí Newsweek có bài kiểm điểm về cái thế giới thâm lặng của di dân: từ 1972 đến nay, nhà cầm quyền Xô Viết đã cưỡng bức tổng xuất “gần trọn một thế hệ những văn nghệ sĩ xuất sắc nhất của nước Nga.” thực hiện “cuộc thanh trừng văn học lớn lao nhất kể từ thời Sataline”, và những văn nghệ sĩ nọ đã mất sức sáng tạo khi ra khỏi nước.

Thi sĩ Alekxandr Galich kêu rằng ở Paris họ mất ngôn ngữ và tất cả xung quanh đều câm nín, họ sống giữa một thế giới câm. Phong phú như Alikxandr Solzenitsyn, tiếng rằng tiếp tục viết hăng vẫn không thấy cho in được gì đáng kể sau 1974. Vladimir maximov vừa xuất bản tờ tạp chí của di dân Nga vừa bảo: “bây giờ chuyện làm người quan trọng hơn chuyện làm nhà văn”

Jerry Kosinski, nhà văn di cư Ba Lan thành công bằng các tác phẩm Anh ngữ, đã mĩa mai các đồng nghiệp Nga nọ: Thay vì viết lách, họ ngồi trong các quán cà phê Pháp mà nói tiếng Nga, bàn chuyện giải phóng cố quốc. Thoát ra khỏi một tù ngục, họ lại tự giam mình vào một tù ngục khác, cái tù ngục của thứ ngôn ngữ và văn hoá riêng biệt của họ.

Chúng ta lo lắng: Thế giới Tây phương quanh mình đối với chúng ta càng câm lặng hơn là đối với các nghệ sĩ Nga. Có phải do đó mà thắc mắc “Cao Tần là ai ?”

Câu hỏi ấy chứng tỏ người ta không tin cuộc sống di cư có thể là khung cảnh xuất hiện một tài năng mới...

Trong lúc chúng ta đang suy nghĩ về một sự may mắn xảy đến trong sinh hoạt văn nghệ ly hương của Việt Nam thì thi sĩ Minoru Fujita từ Los Angeles bay về Đông Kinh để đọc trước Nhật Hoàng bài đoản ca của ông trong dịp đầu năm. (Đó là một tục lệ đã có từ lâu đời: hàng năm nước Nhật chọn lấy mười bài hay nhất trong số nhiều đoản ca được viết ra khắp trong và ngoài nước. Tết đến trong một buổi lễ long trọng các tác giả được mời vào hoàng cung tự mình ngâm thơ trước mặt vua. Minoru Fujita là thi sĩ hết sức hiếm hoi thành công ở hải ngoại. Người thi sĩ ấy lại đoạt được cái vinh dự này những hai lần: một lần vào năm 1971, lần nữa năm 1977. Fujita xa quê hương từ 1953, tức đã gần một phần tư thế kỷ. Ngày ấy ông chưa từng làm thơ. Tại sao cái năng khiếu đối với loại thơ cổ điển có một lịch sử xưa hàng nghìn năm lại bỗng dựng nây sinh rồi phát triển rực rỡ nơi người cự thủy thủ sống trong hoàn cảnh tha hương ? Cuộc đời vẫn dành quyền thỉnh thoảng tung ra một chuyện lạ thường, khó hiểu).

Fujita khiến Cao Tần không đến nỗi kỳ quái; nhưng liệu có khiến nổi những người cầm bút lưu vong của Việt Nam trở nên lạc quan ?

Nghĩ ngợi về trường hợp Fujita, một ký giả của tờ Los Angeles Times đã tìm gặp một bài đoản ca Nhật mà ông dịch:

*I no longer know
What they are saying
In my native land
But I know the flowers
Smell the same*

Một người lưu lạc lâu năm, biết rằng quê hương đã trải qua nhiều biến đổi, biết mình đã xa lạc các vấn đề xã hội cũ đến nỗi không còn biết nơi cố quốc đồng bào đang suy nghĩ về những gì, đang nói năng những gì nữa. Dù sao người ấy còn thấy có điều an ủi là ở nơi đó hoa xưa vẫn toả mùi hương cũ: cái ấy thì muôn đời không thay đổi.

Thời gian Cao Tần xa nước chỉ bằng một phần mười thời gian của Fujita. Thế nhưng sự cách biệt giữa Việt Nam hiện nay với Cao Tần, với chúng ta, lớn lao hơn nhiều: chẳng những bộ mặt xã hội đổi khác, tâm lý con người, mà tư tưởng ngôn ngữ ở nước ta cũng đổi khác. Thật vậy, cái tiếng nói mới do cách mạng đưa vào Sài Gòn gần đây khác trước nhiều chứ:

*Quê xưa người đổi tiếng người
trước sau hoa vẫn một mùi hoa thơm*

Và thế là ông Fujita cứ yên trí làm thơ, và làm thơ hay, và thơ ông được tán thưởng cả trong lẫn ngoài nước.

Cao Tần không có được hoàn cảnh ấy. Người cầm bút Việt Nam lưu vong không có được hoàn cảnh ấy, Hoa quê hương vẫn thơm một mùi, nhưng ngửi hoa bây giờ phải có lập trường, một lập trường ngửi hoa mới lạ. Bị bức tường lập trường ngăn cách hoàn toàn đường giao tiếp với quê hương. Cao Tần vừa làm thơ vừa kêu hoảng:

*Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo
hồn Việt trong ta ngày mỗi khô*

Dù đang thành công Cao Tần không lạc quan nổi, không hề lạc quan chút nào; tuy vậy thơ Cao Tần nhất thời cũng tránh cho chúng ta một cảnh trạng rất đáng bi quan. Bởi vì làm thơ trong cảnh sợ...hết tiếng hết chữ, chuyện đã đáng thương, nhưng đáng thương

hơn có lẽ là khi một tập thể di dân đông đảo và buồn thảm như chúng ta mà không có được một tiếng thơ nói lên cảnh ngộ của mình.

Võ Phiến
1-1978

Chuyện thần tiên

*(Có bà tiên hiền hỏi chàng lưu lạc
Con ước mơ chi cuối cuộc đời này?)*

Ta ước khi không bừng tỉnh giấc
Thấy bình minh muộn nắng đây hiền
Một khung cửa sổ trời xanh ngắt
Đầu sân xao xác tiếng chim quen

Đường phố ngất ngậy mùi bụi mới
Những vòm cây biếc lá me tươi
Quán cóc sờ ta bè bạn đợi
Rất tung bừng đầu hót những buồn vui

Chợt nhớ lại, ô đêm qua khiếp quá
Mình đã mơ một giấc thật kinh hoàng
Mơ thấy cả một quê hương đổ vỡ
Mình lên đường ngơ ngẩn, lang thang

Sẽ vội vã trên đường lao tới sở
Nghe xôn xao tiếng Việt ở quanh mình
Giữa phố bụi mù lại mơ cây cỏ
Xanh khắp quê hương giấc mộng thanh bình

Ta muốn điều chi cuối đời luân lạc?
Này bà tiên vừa hỏi giấc mơ ta
“Hãy đem hết những đổi đời tan tác
Gói giùm vào cơn mộng dữ đêm qua”

Chiều bát phố

Chiều đi bát phố gặp toàn Tây
Bỗng tiếc xưa không làm quen cả xóm
Tự trách mình ngu hơn con cây
Đáng kẹt lại cho thằng Cộng tóm

Bác xích lô mỗi sớm qua nhà
Đầu óc như ta lo cơm lo áo
Cố gắng cà phê quán cóc la cà
Chửi bới lăng nhăng nội các anh Thiệu

Em điếm rẻ tiền hành nghề Gò Vấp
Anh tìm vui hoang em hát cải lương
Ôm nhau dửng dưng, rời nhau hấp tấp
Lòng vẫn chung mang nỗi sợ sa trường

Nhớ ông thầy tu nghiêm trang cúng lễ
Ta ít khi lãng vãng vào chùa
Sao cùng thầy đời sâu một bề
Cùng tỉnh queo trước chuyện hơn thua.

Nhớ kẻ ngất ngư mình gặp ngoài phố
Hai thằng lạ hoắc chẳng thềm ngõ nhau
Giờ nghĩ lại, ôi, như ta, nó khổ
Cũng xây nhà trên cát nương dâu.

Giờ nghĩ thân ta chỉ còn có vợ
Vợ trót bỏ quên bên kia bán cầu
Ngày ngày phát phơ giữa rừng mũi lõ
Tìm người tình Việt chưa biết tìm đâu

Chỉ gặp toàn Tây một chiều bát phở
Tiếc sao xưa cả nước chẳng quen nhau
Quen cả nước? Ra đường chào gầy cổ
Và chắc gì nay nghĩ lại không sầu.

Nhưng quen cả nước chắc lòng sẽ nhẹ
Khi đi có chào may bớt xót xa
Ôi! Xóm xưa ơi, khi nào đổi kiếp
Ta về thành chim hót trước hiên nhà
(tháng 2-77)

Chỗ giấu kho tàng

Sau một tuần ngất ngư lao động
Thứ sáu anh thường thức trắng đêm
Vi đêm anh, Sài Gòn đang sáng
Đêm thao thức anh là ngày khôn khổ em

Ngày khôn khổ, thân em toi tả
Gói nhọc nhằn trong biểu ngữ vinh quang
Ta từng giàu lắm em nào biết

Anh chỉ cho em đôi chỗ giấu kho tàng

Trong công viên xưa có chiếc ghế đá
Giờ đằm mưa chiều hay tươi nắng mai?
Ghế như ngà, bên hàng thông, em nhớ?
Ta bên nhau trên đó những ngày vui

Chiếc ghế từng nghe lá úa thở dài
Nghe đôi cỏ mùa xuân cười rục rĩ
Chia sẻ những buồn vui
Của thời em rất nhỏ

Em hãy đến tìm ở nhà thờ đồ
Ngôi thánh đường gạch hồng như son
Nơi ta thường quanh quẩn những hoàng hôn
Tìm kỹ nhé: ngay sau cây thánh giá

Em hãy tìm về sau căn nhà cũ
Đứng bên rào mà ngó lại vườn xưa
Em nhớ nhé: dưới tán cây trứng cá
Những trái mọng hồng trong ánh nắng sau mưa
Ở góc vườn còn một viên gạch vỡ
Nơi nảy mầm hy vọng một giàn dưa
Kín đáo nghe em, giờ nhà đôi chủ
Nhưng kho tàng ta chắc còn nguyên đó

Đứng trước vườn xưa em hãy mỉm cười
Dù môi buồn đã héo xanh thương nhớ
Nuốt lệ thầm và cười cho tươi
Như chiều xưa đón anh về hơn hờ

(Kho tàng ta có một ông thần
Nụ cười em là câu thần chú
Thần chú đọc xong kho tàng sẽ mở)

Kho tàng ta em yêu nhìn xem
Dưới ghế công viên anh giấu thời thơ dại
Trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin
Trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc
Nơi nụ cười em anh giấu trái tim.

Hãy chia anh một nửa kho tàng
Để cùng tiêu trong chuỗi ngày khôn khó

Thêm một lần thứ sáu trắng đêm
Để hồn về một Sài Gòn đang sống

Gỗ tuyệt vọng cửa thiên đường đã đóng
Xin chia nhau ngày khốn khổ cùng em
(tháng 3-77)

Bông giấy

Tưởng ta nhớ chú lấm sao
Này cây bông giấy bên rào năm xưa
Chẳng qua trời đổ cơn mưa
Thì thương cảnh mọn đong đưa một mình.
(tháng 12-77)

Kẻ trở về

Thằng bạn đòi về trên tàu Thương Tín
Hoan hô Đảng và tranh đấu rất chi
Giờ được tin vui thầy Yên Bái
Thôi, còn chê trách nó mà chi.

Nó tưởng được về hôn con, ôm vợ
Bước rung rung trong những phố phường xưa
Ôm vợ, hôn con, ngắm trời đất cũ
Chỉ một lần thôi rồi tịch cũng vừa

Nhớ nó xưa chọc trời, xô núi
Thân nam nhi ngang dọc cõi bờ
Bồng di tản ra thân lúi xúi
Trong trại xếp hàng chầu cơm như mơ

Trong trại sáng giật mình, hoảng hốt
Đêm bụng đầy nhóc rượu tìm quên
Gọi vợ trong mơ, nhắc con lúc thức
Năm thì trần trọc, đứng thì điên

Nó quyết đòi về trên tàu Thương Tín
Anh em xúm xít, khăn cổ can hoài
Thằng bạn cười buồn, tác phong lính chiến:
“Thôi coi đời tao là con củ... khoai.”

Thấy nó lên tàu biết xong một kiếp
Nhưng hy vọng hão cứ nguyện như thường
Cầu nó bình an thấy con, thấy vợ.
“Yếu như thằng này chắc đất trời thương.”

Nó bước xuống tàu giữa rừng cán bộ
Về quê hương mà như lạc tinh cầu

Rồi trôi giạt trên nghìn dặm khổ
Rồi âm thầm đổ giữa rừng sâu.

Mây có linh thiêng qua đây tao cúng
Một châu phim X một quả tẩm hơi
Thiên đường mây hực thì tao đang sống
Cũng ngất ngư đời như con củ khoai!
(tháng 2-77)

Ta làm gì cho hết nửa đời sau ?

Dăm thằng khùng họp nhau bàn chuyện lớn
Gánh sơn hà toan chắt thử lên vai
Chuyện binh lửa anh em chùng cũng ón
Dọn tinh thần: thưa nhẹ đỡ ba chai

Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận
Xong hiệp đầu mây núi đã băng khuâng
Hào khí bốc đủ mười thành chất ngất
Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không

Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn
Nửa đời xưa ta trần thủ lưu đồn
Nay đất khách kéo lê đời rất nản
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...

Sẽ có lúc rừng sâu bùng chuyển động
Những hùm thiêng cự móng thét rung trời
Và sông núi sẽ vượn mình trời dậy
Và cò bay trên đất nước xinh tươi

Một tráng sĩ vô êm chùng sáu cõi
Thần tự do giờ đứng ở nơi nào?
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao...

Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la...

Bình minh tới một chàng bùng tỉnh giấc
Thấy chiến trường la liệt xác anh em
Năm tráng sĩ bị mười chai quất gục
Đời tha hương coi bộ vẫn êm đêm

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gói lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới:
Ta làm gì cho hết nửa đời sau?

(tháng 3-77)

Trên non cao

Ta biết nhà ông rầu thấy mờ
Thôi cuối tuần này theo ta lên núi
Lên thật cao nhìn xuống đời lô nhô
Rũ bớt bụi trần, quên thân múa rối

Hơn mười năm nhà ông bay trên cao
Mặt đất nâu xanh nằm ngoan dưới gót
Nhân loại tí teo xinh đẹp chùng nào
Nhân loại hiền từ như những con sâu

Những đêm đen tàu trôi qua thành phố
Cả đất trời nổ triệu ánh sao xinh
Mặc những đấu tranh lọc lừa dưới đó
Nhìn từ cao nhân thế thật thanh bình

Đời khôn kiếp quãng tòm ông xuống đất
Bôi mặt nhà ông giống một tên hề
Tên hề giễu trong kịch đời luân lạc
Kịch như đời: nhạt nhẽo, lê thê.

Trên núi cao ta biết rành một chỗ
Có hòn đá xanh có gốc thông già
Ngồi trên đá ông sẽ thành Trang Tử
Hồn nhẹ tênh theo bướm lượn chiều tà

Hãy tựa gốc thông mà nhìn xuống thế
Tường hôm nào ngắt ngưỡng chín tầng mây
Còn thương mãi một nhân gian nhỏ bé
Có thể ôm tròn trong đôi cánh tay

Nhà ông khổ hơn người vì đôi cánh
Những thỉnh không bát ngát, những trời xa
Này cánh đại bàng nhớ chân trời thăm
Thôi cuối tuần này lên núi cùng ta.

(tháng 11-77)

Mai một anh trở về

Mai một anh về có thằng túm hỏi
Mày qua bên Mỹ học được củ gì
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi
Nói mày hay ông thượng đẳng cu li

Ông rửa bát chì hơn bà nội trợ
Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan
Ngày ngày phóng xe như thằng phải gió
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan

Nghệ thuật nói bông hóa trò lao động
Thằng nào nói nhiều thằng ấy tay to
Tiếng mẹ thường chỉ dùng chửi đồng
Hay những đêm sầu tí toáy làm thơ

Ông học được Mỹ đất trời bát ngát
Nhưng tình người nhỏ hơn que tăm
Nhiều đứa hồn nhiên giống bầy trẻ nít
Còn hồn ông: già cóc cỡ nghìn năm

Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nước mệnh mang
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí
Hận gấp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng

Nếu mai một bông đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương

Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bồ bịch hết không đứa nào là nguy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng
(tháng 3-77)

Biển chiều

Chiều nay ra biển ngời ngời ngân
Nhúng hai giò trong nước Thái bình Dương
Để hơi ta giặt về bờ Ô Cấp
Chạm thân ái vào lưng đất mẹ tang thương

Có bạn nào đang rập tâm vượt thoát
Nhớ rằng ta luôn cầu nguyện cho người

Láng đời chót đã tan trên chiếu bạc
Thì xá gì thêm một chuyến ra khơi

Thở thật dài vào thình không bát ngát
Theo gió về động lá cánh rừng xa
Này thẳng lì còn chơi miền gió cát
Trong kiêu dũng mảy cho gửi chút hồn ta

Có thằng bạn nào tàn đời học tập
Công gông xiềng lê lét một thân đau
Này biên chiều sóng xô ào lớp lớp
Những tiếng đời tan nát khóc thương nhau.
(tháng 6-77)

Chú nào nghe mái tôn mưa

Chú nào đi đường ta bình minh này
Có nhớ chào dân xóm ta dậy sớm
Có nghe thơm mùi bụi mới đầu ngày
Cùng lá hoa tươi mừng nắng lớn.

Chú nào trưa nay ngồi trên đời ta
Thở gió thông khô quen từ kiếp trước
Đêm nắng hoa sao nở đầy trên hồ
Trưa thật tuyệt vời, đẹp hơn mơ ước

Chú nào ngồi hiên nhà ta chiều nay
Nghe mưa Sài gòn rạt rào thơm mát
Sau một ngày nắng loá chín tầng mây
Những mái tôn mưa cười ran hạnh phúc

Chú có biết yêu thương vài nụ hồng
Đã thấm tươi trên giàn che cổng gỗ
Những giọt trong veo từ cõi vô cùng
Vỗ rộn ràng vui trên từng lá nhỏ

Chú nào đêm nay kê đầu gối đó
Thở hương nồng hạnh phúc đầm không gian
Có biết nói nghìn năm sau vẫn nhớ
Vẫn hai vai êm ấm mãi ơn nàng?
(tháng 12-77)

Hát một mình

Hát tự nhiên đi mà bạn quý
Giọng bạn khàn hơn chú vịt bầu

Đừng e sẽ méch lòng tri kỷ
Dù nghe bạn hát chỉ thêm đau

Hai thằng đã tính đời coi bỏ
Hẹn vô sa mạc cụng vài ly
Ngồi thiền lặng lẽ như cây cỏ
Quyết lòng tịnh khẩu để nhâm nhi

Phương Nam bão cát lên như khói
Núi trọc xa trông hèn hơn đồi
Chiều mới vừa đây mà đã tối
Thấy chẳng sa mạc rộng hơn trời?

Bạn bỗng kể: “Khi về gặp nàng,
Có lúc du dương nàng bắt hát
Dăm ba câu lãng mạn xì xằng
Thế cũng dựng nên thời rất đẹp...”

Thời đẹp bây giờ là chiêm bao,
Tình nàng bây giờ là kiếp trước
Chiều nay hôn bạn bỗng xôn xao
Dăm tiếng ca xưa và muốn hát

Cứ hát, ta nghe mà, bạn quý
Mai đời di tản lại buồn tênh
Rời ra cặp đợc đào thơm Mỹ
Bạn sẽ trăm năm hát một mình.
(tháng 10-77)

Phiêu bồng

Cho ta làm lại cuộc đời
Thì ta lại vẫn ra khơi như thường
Vật vờ vượt sóng trùng dương
Kiếm đời di tản nghìn cơn nhục nhằn
Mai này tính số trăm năm
May chẳng lời đợc cái thân phiêu bồng.
(tháng 12, 77)

Thư quê hương

Thư quê hương như tên hề ốm nặng
Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười
Son phấn hân hoan phủ nghìn cay đắng
Mắt lệ đầy, miệng hát những lời vui...

Ta biết thư em vượt muôn cửa ải
Mắt sài lang soi nát cả linh hồn
Em chẳng được khóc cùng ta bằng chữ
Thì gửi chi dăm khẩu hiệu buồn nôn!

Gửi cho anh vài sợi tóc mẹ già
Rụng âm thầm trên hiên chiều hiu quạnh
(Nuôi một bầy con cuối đời vẫn lạnh)
Cho anh hôn ơn nặng một thời xa...

Anh muốn thờ mùi nhọc nhằn nô lệ
Gửi cho anh manh áo rách con thơ
Con chào đời: ta rừng sâu lính trẻ
Ta non cao, con tập nói u ơ...
Giờ bước đầu đời chân non vấp ngã
Muốn nâng con... nào biết có bao giờ.

Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường
Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lối cũ
Gửi cho anh vài nhánh cỏ quê hương
Anh sẽ đọc đất trời ta đã thờ...

Và gửi cho anh một tờ giấy trắng
Thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa
Để anh đọc: Mênh mông đời lạnh vắng
Em tiếc thương hoài âm áp gối chẵn xưa...
(tháng 4-77)

Câu cá

Ta đã vượt muôn dặm dài biên cả
Đường tử sinh lui tới cũng đôi lần
Bỗng bình minh này ngồi thuyền, câu cá
Trôi dạt dờ như lá trên hồ xanh

Hỡi chú cá rong chơi miền nước biếc
Ta vượt đường muôn dặm chẳng tìm nhau
Bày đặt buồng cần mà quên thương tiếc
Cho đời êm, qua được mấy giờ đau

Nói nghe coi này cổ thụ ven hồ
Kể từ những trăm năm dài đứng đó
Có gặp khi nào một kẻ xác xơ
Lòng sâu hận hơn kiếp người da đỏ

Đời đang bão khi không chìm lặng ngắt

Như cành khô nằm chết đáy sông sâu
Đời đang dậy sóng thân lên bát ngát
Bỗng vui yên đáy biển một thân tàu

Và móc đời lên cần câu vớ vẩn
Đem chìm chơi trong đáy nước rong rêu
Tuổi chưa nặng hồn đã chùng ngơ ngẩn
Lòng vàng khô hơn chiếc lá đưa vèo?
(tháng 11, 77)

Chón tạm dung

Nhà tôi ở toòng teng đỉnh đồi
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
Sau lưng sương ngập cao lưng trời
Trước mặt thông sầu reo đáy vực

Bắt đầu ngày bằng một chút vui
Hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch
Bài ca quen bỗng chợt quên lời
Chút kỷ niệm còn lại mất khơi khơi

Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô
Dốc mở như đời ta trước mặt
Sương kín như đời ta hôm xưa

Giang hồ một túi bài ca cũ
Hát nhảm cho qua nốt tuổi già
Qua những bình minh còn ngái ngủ
Còn như chưa lạc mất quê ta

Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực
Trên đường chênh chếch nắng mênh mang
Trôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc
Đã chán nhân gian ở cuối đường

Chiều về lên dốc thân tôi tả
Một quả hoàng hôn đỏ kín trời
Mình mới ngoi lên ngày đã ngã
Đêm phờ lẩn lóc ngủ thay chơi

Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực
Ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn
Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc
Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non
(tháng 5-77)

Gửi Xuân Hiến

Đốt thế giới văn chương hào sảng ấy
Gửi cho ông làm bạn cõi thiên đường
Tôi chỉ giữ bên mình thanh kiếm gãy
Lên núi ngồi vạch đất vẽ quê hương.
(tháng 10-82)

Gửi Duyên Anh

Gặp lại hôm qua chú học trò
Còn nuôi con sáo bạn ta cho
Ta mừng khoe chú bông Thiên Lý
Rực rỡ huy hoàng như tuổi thơ.

Kho tàng

Chàng Cù Lân có cái túi nhỏ
Suốt bốn mùa giấu giếm như điên
Anh em sùng, nghĩ thằng này chơi khó
Thủ cẳng tí tiền, len lén tiêu riêng

Hết chuyện chơi, một chiều đông lạnh cóng
Đè thằng em ra cướp túi coi chơi
Gác trọ rung rinh như thuyền biển động
Thằng em kêu như sắp sửa xong đời

Miếng túi mở kho tàng rơi tung tóe
Một lạng vàng trong giấy gói đơn sơ
Một đĩa hét: “Vàng này thằng em bé
Không mại đi, mại tính để đem thờ?”

“Su chúng mày, vàng đem theo bốn cục
Ông bán ba, bắt gọn mấy trăm đô
Còn cục này tàn đời ông cóc bán
Lúc lên đường bà cụ dú tay cho”

Một chiếc khăn tay cũ xì, cũ xị
Màu nâu già thêu mấy chữ xanh xanh
“Giẻ rách gì đây hở thằng chết tiệt?”
“Khăn vợ trao ngày khoác áo nhà binh”

Đáy túi nhỏ thì đầy danh thiếp cũ
Những tên người tên tỉnh đã xa xưa

Những dòng vôi ghi hẹn hò gặp gỡ
Những đường quen không trở lại bao giờ

Trả túi thằng em, cả bầy bồng xê
Cù Lằn xấu hổ chửi như ca
Cái túi nhỏ tưởng đầy lòng ti tiện
Hoá đem theo muôn vạn mảnh quê nhà

Cù lằn dọa đêm nay đâm chết hết
Ôi, ví dầu chú mở được tim anh
Chú cũng thấy một kho tàng thắm thiết
Với khăn tay nhàu nát chữ thêu xanh

Với danh thiếp những tên đường đã đổi
Những số nhà chớp mắt bồng tang thương
Những chôn hẹn nghìn năm không trở lại
Những tên đời toi tả khắp quê hương
(tháng 10-77)

Đóng tàu

Vách tàu dựng vút lên như núi
Một bãi mênh mông sắt thép trùng trùng
Hải âu lượn vòng, biển xanh phơi phơi
Hồn dậy vu vơ một chút hào hùng

Tay búa tay kim thấy đời chắc nịch
Sắt nâng hàng tấn linh hồn nhẹ tênh
Mặt mũi lấm lem che đời bí mật
Thần trí lang thang cuối bãi đầu ghềnh

Buổi trưa nghỉ nằm chơi trong thùng sắt
Ngửa cổ coi trời thấy đúng một khung vuông
A, khi không ta biến thành con ếch
Đáy giếng sâu mơ mộng rất khiêm nhường

Con ếch không tin đất trời nhỏ bé
Biết ngoài kia còn một cõi bao la
Lẩn thân nghĩ về chuyện đời dâu bể
Hay vợ vẫn chờ chút mây bay qua

Nhớ thơ Trường Anh thừa nào khoá đọc
(Ông Trường Anh có lạc đến phương này?)
“Tiên thân ta phải chăng là con cóc
Thơ nghiền răng trời chuyển bốn phương mây.”

Một năm nữa con tàu sẽ xuống nước
Tháng ngày nào mới đi qua Biển Đông?
Biển Đông giờ này bao thuyền hấp hối
Ôi con tàu đến trễ cả nghìn năm

Lòng bắt đầu mơ những điều huyền hoặc
Mơ con tàu cảm được những thương tâm
Nghe được tiếng đàn bà con trẻ khóc
Và xót xa như có một linh hồn
(tháng 11-82)

Cảm khái

Trong ví ta này chúng chỉ tại ngũ
Mất nước rồi còn hiệu lực hơi lâu
Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ
Tái tê cười: giờ gia hạn nơi đâu?

Trong ví ta này một thẻ căn cước
Hình chụp ngây ngô rất mực cù lần
Da xám ngoét như bị đời nhúng nước
Má hóp vào như cả tháng không ăn

Mười tám tuổi thành công dân nước Việt
Tên chụp hình làm ta xấu như ma
Thằng khốn nạn làm sao mà nó biết
Ta sẽ thành dân mất nước tan nhà!

Hai mươi tuổi ta đi làm chiến sĩ
Bước giày đinh lạng quạng một đời trai
Vừa đánh giặc vừa lừng khùng triết lý
Nhưng thằng này yêu nước chẳng thua ai...

Hình căn cước anh nào mà chẳng xấu
Tên chụp hình như một lão tiên tri
Triệu mặt ngây ngô bàng hoàng xón xác
Cùng đến một ngày gãy đổ phân ly

Nhìn hình chim in trên tờ chúng chi
Chợt nhớ câu thơ: “Gãy cánh Đại Bàng...”
Ngàn lăm liệt tan trong chiều rã ngũ
Muôn anh hùng phút chốc hóa lang thang

Quanh mình xôn xao chuyện thay Quốc tịch
Ngậm ngùi bày dăm giấy cũ coi chơi
Thời cũ ố vàng, rách rời mấy mảnh

Xót xa đau như mình bỗng qua đời.

Hỡi kẻ trong hình mặt xanh, mày xám
Ngươi sắp thành tên mọi Mỹ rồi ư
Hỡi thằng chiến binh một đời dũng cảm
Mày lang thang đất lạ đến bao giờ

Ôi trong ví mỗi người dân mất nước
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ
Ôi trong trí những anh hùng thuở trước
Còn dậy trời lên những buổi tung cờ

(tháng 6-77)

Hát ngao trên tuyết

Khoác áo lông xù giả làm trắng sỡ
Lên dòng sông đá bước nghênh ngang
Cây gậy trúc trông sắc mùi vũ khí
Múa tung bùng vào thình không giá băng

Khoái thay đời ta một đời quái đản
Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản
Một đời quê hương khét mùi súng đạn
Một đời xót xa bằng hữu lao tù

Khoái thay chân ta những chân phiêu bạt
Đi dọc quê hương, đi vòng địa cầu
Đi thênh thang thờ đời cao gió mát
Đi ngất ngây thương lúa vàng, hương cau
Đi hội trùng phùng, đi chia tan tác
Đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau
Đi sỏi đá mềm, bếp hồng trước mặt
Đi bùng bão biển, quê hương phía sau
Những bước thú hoang lạc rừng đất lạ
Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu

Sông không đầu đuôi sông màu đá cục
Dưới trên lẫn lộn, trời đất mang mang
Ta ngựa cỏ làm thằng khùng Bắc Cực
Một mình cười cùng thình không giá băng

Khoái thay hồn ta một hồn dị thường
Khi bốc lên: núi lưng trời cũng thấp
Khi bi ai: thân cỏ mọn bên đường

Sông dài! Sông dài! Ta đi chẳng hết
Thân trượng phu, hừ, mục trong áo cơm?
Núi cao! Núi cao! Ta về không đến
Chí trượng phu, hừ, chôn trong giá băng?
(tháng 2-78)

Ghi Chú dưới bài viết “**Tính uy mua và nghệ thuật trong thơ Cao Tần**” của nhà phê bình Đặng Tiễn, đăng trên trang: <http://www.talawas.org> , ngày 31-8-2006:

Thơ Cao Tần, bản 1978, do Tạp chí Bút Lửa và nxb Người Việt thực hiện, bìa do họa sĩ Nguyễn Văn Mịch, khổ nhỏ 10x17 cm, giấy màu hồng, in kiểu tiêu công nghiệp, 56 trang, gồm 17 bài thơ làm trong năm 1977, đã rải rác đăng trên báo Bút Lửa. Các bài thơ không có tên, chỉ đánh số từ 1 đến 17. Sau đó, 1984, nhà Tin Yêu tại Seattle của nhóm Thanh Nam tái bản, khổ lớn 21x27 cm, Ngọc Dũng vẽ bìa, in đẹp, có lời giới thiệu của Võ Phiến viết tháng 1-1978. Những bài thơ lần này có tên và không theo trật tự lần trước. Và thêm 1 bài làm 1978 và 2 bài 1982. Tiểu luận này sử dụng bản 1978; khi trích dẫn ghi cả hai tham bản cho tiện việc độc giả tra cứu.

Lê Tất Điều



Nhà văn, nhà thơ. Tên thật **Lê Tất Điều**, bút hiệu Kiều Phong và Cao Tần (dùng cho thơ, khởi viết sau 75), sinh ngày 02 tháng 8 năm 1942 tại Hà Đông. Vào Nam năm 1954. Dạy học tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Là hội viên của các hội đoàn: Phong Trào Trí Thức Pax Romana Vietnam, hội Văn Hóa Á Châu, The American Philosophical Association, hội cựu học sinh trung học Albert Sarraut Hà Nội, hội Cựu Chung Sinh Đại Chung Viện St. Sulpice Hà Nội, Hội cựu sinh viên đại học Văn khoa Hà Nội, và hội Fribourg Thụy Sĩ. Cựu Sĩ quan VNCH. Định cư tại Hoa Kỳ từ tháng 5 năm 1975. Khởi viết và thành danh trước 1975. Sinh hoạt tại hải ngoại : Chủ bút nguyệt san Hồn Việt, Chủ nhiệm tờ Bếp Lửa, Chủ bút tạp chí Văn Học Nghệ Thuật (bộ mới từ tháng 5 năm 1985).

Tác phẩm đã xuất bản :

Khởi Hành (truyện ngắn 1961, Kê Tinh Nguyễn (truyện ngắn), Quay Trong Gió Lốc (truyện ngắn, 1965), Đêm Dài Một Đờ (truyện dài, 1966), Phá Núi (truyện dài, 1968), Những Giọt Mực (truyện dài), Người Đá (truyện ngắn, 1968), Anh Em (truyện ngắn, 1970), Ly Hương (tù bút, cùng Võ Phiến, 1982), Ngừng Bắn Ngày Thứ 492 (Hồi Ký) , Đóng Cửa Trần Gian (truyện dài), Thơ Cao Tần (thơ, 1978), Một Quả Cười Đều Mùa Xuân (phiếm luận), Chân Dung Bác Hồ (phiếm luận 1989)

Chọn giới thiệu và có bài trên các tuyển tập :

Thơ Văn 90 Tác Giả VNHN 1975-1981 (Văn Hữu 1982), Chân Dung 15 Nhà Thơ Nhà Văn VN (Mai Thảo 1985), Thơ Văn Hải Ngoại (Thái Tú Hạp, Sông Thu-1985), Hội Tuyển Thi Ca (Thanh Niên, Pháp 1986), 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (Cao Xuân Huy, Khánh Trường, Trương đình Luân, nxb Đại Nam 95), Truyện Miền Nam (Võ Phiến, Văn Nghệ), Ký-Bút-Kịch Miền Nam (Võ Phiến, Văn Nghệ)...

(Tác Giả Việt Nam – Lê Bảo Hoàng)